TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **135**/2023/DS- PT
Ngày 19 tháng 9 năm 2023
Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo
- *Các Thẩm phán*: Ông Cao Văn Hiếu
  Bà Trần Thị Thanh Mai

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát*** nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha – Kiểm sát viên.

Ngày 15 và ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/DS-PT ngày 06 tháng 07 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

Do Bản án sơ thẩm số 25/2023/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 190/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông *Huỳnh Phước T*, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số K3xx/1x đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. (ông T có mặt).

2. Bị đơn: Bà *Huỳnh Thị P*, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số K3xx/8x/3x đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. (bà P có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cụ *Huỳnh Phước C*, sinh năm 1930. Địa chỉ: Số 2xx đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (cụ C vắng mặt).

3.2. Ông *Huỳnh Phước T2*, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số K1xx/1x đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. (ông T có mặt).

3.3. Bà *Huỳnh Thị M*, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 8x đường M, quận T, thành phố Đà Nẵng. (bà M có mặt).

3.4. Bà *Huỳnh Thị C*, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số x đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (bà C có mặt).

3.5. Ông *Huỳnh Phước H*, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số K1xx/1x đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. (ông H có mặt).

3.6. Bà *Huỳnh Thị L*, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 2xx đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (bà L vắng mặt).

3.7. Ông *Huỳnh Phước T3*. Địa chỉ: Số 2xx đường H, tổ 1x phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (ông T3 vắng mặt).

3.8. *Hộ kinh doanh C*, Người đại diện hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năn: 1988. Địa chỉ kinh doanh: Số 2xx đường H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt).

3.9. *Hộ kinh doanh L*, Người đại diện hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị Xuân L**,** sinh năn: 1991. Địa chỉ kinh doanh: Số 2xx đường H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị P, ông Huỳnh Phước T2, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước H và bà Huỳnh Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:
Theo Bản án sơ thẩm nội dung như sau:

***** N*guyên đơn ông Huỳnh Phước T trình bày:*

Cha mẹ ông Huỳnh Phước T là cụ Huỳnh Phước C và cụ Phan Thị Q, cha mẹ có tất cả 07 người con, gồm:

1. Ông Huỳnh Phước T2, sinh năm 1955;
2. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1958;
3. Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1960;
4. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1963;
5. Ông Huỳnh Phước T, sinh năm 1965;
6. Ông Huỳnh Phước H, sinh năm 1969;
7. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1971.

Ngày 15/4/2014, mẹ ông là cụ bà Phan Thị Q qua đời và không để lại di chúc. Cụ Q không có con nuôi hay con riêng nào khác. Cha, mẹ của cụ Q chết từ trước năm 1975.

Trong thời kỳ hôn nhân cha mẹ ông có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, diện tích đất ở 233,2m^2, đất khuôn viên 56,3m^2 tổng cộng 289,5m^2 tại địa chỉ: số 2xx (gồm x số nhà: 2xx, 2xx, 2xx) đường H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 11 năm 2000 đứng tên chủ sở hữu của ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q.

Do không thỏa thuận được với các đồng thừa kế về việc phân chia di sản của mẹ để lại nên ông Huỳnh Phước T yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của cụ Phan Thị Q gồm: ½ nhà ở và đất ở tại

thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, diện tích đất ở 233,2m^2, đất khuôn viên 56,3m^2 tại địa chỉ số 2xx, 2xx, 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Theo đó:

- Phần đất cha mẹ ông đã cho ông Huỳnh Phước T2 từ năm 1991(hiện nay là số 2xx đường H), ông T2 tự bỏ kinh phí xây dựng ngôi nhà 2 tầng, có trụ chung với căn nhà của cha mẹ ông, diện tích khoảng 50m^2 nhưng chưa làm giấy tờ, phần đất này ông T yêu cầu tiếp tục giao cho ông T2 nhận thừa kế của cụ Q, sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở.

- Phần đất và nhà còn lại do cha mẹ ông xây dựng, ông yêu cầu chia di sản thừa kế phần của cụ Q theo pháp luật là ½ giá trị nhà và đất của số nhà 2xx, 2xx H thành 07 phần: một phần cho cụ C và 06 phần cho 06 anh chị em còn lại (không tính ông T2 vì đã được nhận phần đất theo số nhà 2xx đường H), mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 kỷ phần.

** Bị đơn: bà Huỳnh Thị P trình bày tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/5/2021 và ngày 30/6/2021:*

Bà Huỳnh Thị P thống nhất theo lời khai của ông Huỳnh Phước T về quan hệ hôn nhân, con chung của cụ Huỳnh Phước C và cụ Phan Thị Q. Bà P xác định mẹ bà là cụ Q không có con nuôi hay con riêng nào khác. Ông, bà ngoại của bà đã chết từ trước năm 1975.

Trong thời kỳ hôn nhân cha mẹ bà có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, tại địa chỉ: số 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, đứng tên chủ sở hữu, sử dụng của ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080865 ngày 08 tháng 11 năm 2000.

Ngày 15/4/2014, cụ bà Phan Thị Q chết không để lại di chúc. Anh chị em bà muốn được phân chia di sản là một nữa (½) nhà ở và đất ở tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x địa chỉ 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng của mẹ bà để lại, nên bà có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện để anh chị em tự thỏa thuận giải quyết với nhau và cũng là để cụ Huỳnh Phước C được sống thanh thản, an vui tuổi già bên con cháu. Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q, bà P nhất trí với phần trình bày của ông T. Về yêu cầu của ông T về việc chia di sản thừa kế của cụ Q theo pháp luật thì bà có ý kiến:

- Phần đất đã cho ông Huỳnh Phước T2 thì vẫn giao cho ông T2 sở hữu và sử dụng, phần kinh phí xây dựng nhà là của ông T2.

- Phần nhà và đất còn lại chia di sản thừa kế thành 07 kỷ phần: một phần cho cụ C và 06 phần cho 06 anh chị em còn lại (ông T2, bà M, bà, bà C, ông T, ông H, bà L), mỗi người được hưởng 01 kỷ phần. Chị em bà sẽ thống nhất thỏa thuận giá để phân chia tài sản. Ai nhận nhà, đất thì thối trả lại cho những người còn lại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. *Cụ Huỳnh Phước C trình bày tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/5/2021, ngày 01/11/2021, ngày 20/11/2022 như sau:*

Nguyên nhà ở và đất ở tại: Thửa số 2xx, tờ bản đồ số x, diện tích đất ở 233,2m^2, đất khuôn viên 56,3m^2 tại số 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng có nguồn gốc của vợ chồng ông là Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/11/2000. Năm 2014, cụ bà Phan Thị Q chết không để lại di chúc. Cụ Huỳnh Phước C và cụ Phan Thị Q có tất cả 07 người con chung như ông T trình bày là đúng. Cụ và cụ Q không có con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ ruột cụ Q đều chết trong chiến tranh từ trước năm 1975.

- Năm 1991, khi cụ Q còn sống, vợ chồng cụ có thống nhất chia khoảng 50m^2 đất phía Nam, nay là số 2xx H, thành phố Đà Nẵng cho con trai là Huỳnh Phước T2 xây dựng nhà ở, phần tường, trụ giữa 2 nhà là tường chung, trụ chung. Phần xây dựng nhà của ông T2 là do ông T2 tự bỏ tiền ra xây dựng.

- Phần nhà và đất còn lại (khoảng 240m^2) hiện nay là số 2xx, 2xx H là của vợ chồng cụ xây dựng, hiện nay cụ vẫn đang sinh sống tại đây, sau này có con gái là Huỳnh Thị L về sống trong nhà. Bản thân cụ hiện nay do vợ chồng con trai Huỳnh Phước T chăm sóc.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, cụ có ý kiến như sau:

- Phần đất vợ chồng cụ đã cho ông Huỳnh Phước T2 xây nhà từ năm 1991, diện tích khoảng 50m^2 nhưng chưa làm giấy tờ, phần đất này (số 2xx H) cụ đồng ý cho ông T2 như trước đây vợ chồng cụ thống nhất. Ông T2 nhận phần đất này thì không nhận phần di sản thừa kế còn lại của cụ Q.

- Phần đất và nhà còn lại (2xx, 2xx H) do vợ chồng cụ xây dựng, cụ yêu cầu chia phần di sản thừa kế của cụ Q theo pháp luật là ½ giá trị nhà và đất, còn lại ½ nhà và đất là của cụ sở hữu, sử dụng.

- Về kỷ phần thừa kế mà cụ được hưởng: Do nhiều năm nay, con trai cụ là Huỳnh Phước T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cụ, hiện nay cụ cũng đang sinh sống cùng ông T tại địa chỉ K3xx/1x đường H, thành phố Đà Nẵng. Cụ mong muốn là có điều kiện bù đắp công sức chăm sóc của ông T. Do đó, cụ là người được hưởng phần di sản của cụ Q để lại nên cụ tặng cho toàn bộ phần di sản mà cụ được hưởng, được chia trong vụ án chia di sản thừa kế của cụ Q để lại cho ông Huỳnh Phước T.

- Về việc chia di sản thừa kế: Do cụ sinh năm 1930, đến nay đã 90 tuổi, cụ đã có tuổi, không có khả năng tài chính, không có nguồn thu nhập để thối trả cho các đồng thừa kế khác. Vì vậy, cụ đề nghị xem xét phân chia bằng hiện vật, đề nghị Tòa án giao ông T là người thực tế đang quản lý, giữ gìn tài sản và có khả năng thối trả, được nhận bằng hiện vật đối với phần di sản thừa kế (phần thuộc sở hữu của cụ Q) và cả phần nhà ở, đất ở thuộc sở hữu, sử dụng của cụ. Ông T có

trách nhiệm thối trả cho các đồng thừa kế khác và thối trả cho cụ ½ nhà ở và đất ở thuộc sở hữu của cụ.

2. Bà Huỳnh Thị M trình bày tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 27/5/2021 và ngày 30/6/2021 như sau:

Bà Huỳnh Thị M thống nhất với phần khai của ông T, bà P, cụ Cy về quan hệ hôn nhân, con chung của cụ Huỳnh Phước C và cụ Phan Thị Q. Bà M xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q gồm 8 người: cụ C, ông T, bà P, bà M, bà C, ông T, ông H, bà L. Di sản thừa kế của cụ Q là một nửa (½) nhà ở và đất ở tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, địa chỉ số 2xx (gồm có 0x nhà 2xx,2xx,2xx) đường Hiệu, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đối với phần xây dựng nhà 2xx H là của ông T2 tự xây dựng, không phải là di sản thừa kế của cụ Q. Nay ông T yêu cầu chia phần di sản thừa kế của cụ Q thì bà có ý kiến:

- Phần đất đã cho ông Huỳnh Phước T2 thì tiếp tục giao cho ông T2 sở hữu và sử dụng (số 2xx đường H).

- Phần nhà và đất còn lại (số 2xx, 2xx đường H) chia di sản thừa kế thành 07 phần, gồm: cụ C và 06 anh chị em còn lại, mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 kỷ phần. Ai nhận nhà đất thì thối trả lại cho những người còn lại.

3. Bà Huỳnh Thị C trình bày tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/5/2021 và ngày 30/6/2021 như sau:

Về hàng thừa kế và di sản thừa kế của mẹ bà là cụ Phan Thị Q, bà thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan khác.

Về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T thì bà có ý kiến:

- Phần đất (số 2xx đường H) đã cho ông Huỳnh Phước T2 thì tiếp tục giao cho ông T2 sở hữu và sử dụng (phần xây dựng nhà là của ông T2 xây dựng, không phải phần di sản thừa kế của cụ Q).

- Phần nhà và đất còn lại chia di sản thừa kế thành 07 phần gồm: một phần cho cụ C và 06 phần cho 06 anh chị em còn lại là bà P, bà M, bà C, ông T, ông H, bà L mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 kỷ phần. Ai nhận nhà đất thì thối trả lại cho những người còn lại.

4. *Bà Huỳnh Thị L trình bày tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 30/6/2021 như sau*:

Bà L hoàn toàn thống nhất về hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị Q và di sản thừa kế của bà Q.

Về yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T thì bà chưa đồng ý về vấn đề 50m^2 đất cho ông T2.

5. *Đại diện cho Hộ kinh doanh C, bà Nguyễn Thị Thúy N trình bày tại Bản trình bày ghi ngày 14/12/2023:*

Ngày 20/11/2020, bà có ký hợp đồng thuê mặt bằng với bên cho thuê là cụ Huỳnh Phước C, người đại diện ký kết hợp đồng là bà Huỳnh Thị L, con gái cụ C, địa chỉ: Số 2xx đường H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Diện tích mặt

bằng là 36m^2, có lối đi riêng, mục đích thuê: kinh doanh quần áo, thời hạn thuê 03 năm kể từ ngày 01/12/2020 đến ngày 01/12/2023, giá thuê: 9.000.000đồng/tháng. Khi thuê mặt bằng, bà nhận mặt bằng trống hoàn toàn và xuống cấp nghiêm trọng, bà phải cải tạo toàn bộ mặt bằng thuê để phù hợp với mục đích kinh doanh. Chi phí sửa chữa, trang trí lên đến 110.000.000đồng. Từ khi thuê đến nay bà vẫn đóng tiền thuê mặt bằng đầy đủ 06 tháng/lần và chuyển tiền vào tài khoản của bà Huỳnh Thị L hoặc theo yêu cầu của bà L.

Nay gia đình cụ C có tranh chấp chia thừa kế, bà không có ý kiến gì. Nguyện vọng của bà là được tiếp tục thuê mặt bằng, trong trường hợp buộc phải trả mặt bằng thì xin thời gian 03 tháng để shop có thể sắp xếp tìm kiếm mặt bằng mới, không gây ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh. Đối với chi phí sửa chữa bà xin được thỏa thuận riêng với phía cho thuê để hỗ trợ tìm và xây sửa cho địa chỉ kinh doanh mới.

6. *Đại diện Hộ kinh doanh L, bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày tại biên bản trình bày ghi ngày 14/12/2023*:

Ngày 03/6/2018, bà có ký hợp đồng thuê mặt bằng tại số 2xx đường H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng với chủ nhà là cụ Huỳnh Phước C, có con trai là ông Huỳnh Phước T, diện tích thuê: 40m^2, có lối đi chung, mục đích thuê: kinh doanh quần áo, số tiền thuê: 9.000.000đồng/tháng. Khi thuê nhà, bà nhận mặt bằng trống hoàn toàn và cải tạo lại toàn bộ mặt bằng thuê để phù hợp với mục đích kinh doanh, chi phí hết 80.000.000đồng. Từ khi thuê đến nay bà vẫn đóng tiền thuê nhà đầy đủ theo quý (03tháng) cho cụ C. Nay gia đình cụ C tranh chấp chia thừa kế thì bà không có ý kiến gì đối với việc này, nguyện vọng của bà là được tiếp tục thuê mặt bằng. Trong trường hợp buộc phải trả lại mặt bằng kinh doanh thì bà xin được gia hạn 03 tháng để shop tìm kiếm mặt bằng mới. Đối với chi phí sửa chữa mặt bằng thì bà yêu cầu được thỏa thuận riêng với chủ nhà.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phước T về việc "chia di sản thừa kế theo pháp luật" đối với bà Huỳnh Thị P.

1. Xác định phần xây dựng công trình trên đất (phần nhà) tại địa chỉ số nhà 2xx, 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng và diện tích đất tại địa chỉ số nhà 2xx,2xx, 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, thuộc thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, địa chỉ: số 2xx (gồm 3 số nhà:2xx, 2xx, 2xx) H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng đứng tên chủ sở hữu của ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx ngày 08 tháng 11 năm 2000 có tổng giá trị 36.486.342.540đồng (Ba mươi sáu tỷ bốn trăm tám sáu triệu ba trăm bốn hai ngàn năm trăm bốn mươi đồng).

(Kèm theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng đo đạc ngày 28/7/2022 có diện tích đất: 284m^2, trong đó: đất ở: 233,2m^2, đất khuôn viên: 50,8m^2)

Trong đó:

1.1. Di sản thừa kế của cụ Phan Thị Q để lại là:

- Phần diện tích đất gồm: 142 m^2, trong đó: đất ở: 116,6m^2, đất khuôn viên: 25,4m^2 tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, địa chỉ: số 2xx (gồm 3 số nhà: 2xx, 2xx, 2xx) H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng đứng tên chủ sở hữu của ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx ngày 08 tháng 11 năm 2000 trị giá 17.728.391.520 đồng (Mười bảy tỷ bảy trăm hai tám triệu ba trăm chín mốt ngàn năm trăm hai mươi đồng).

- ½ phần công trình xây dựng trên đất (phần nhà) gồm: ½ nhà số 2xx H (thuộc phần A theo sơ đồ) (là ngôi nhà 01 tầng có kết cấu tường xây, mái tôn, nền gạch men, có diện tích xây dựng 46,5m^2, diện tích sử dụng là 46,5m^2) trị giá 57.543.750đồng; ½ nhà số 2xx Hoàng Diệu (thuộc phần B theo sơ đồ) (là ngôi nhà 3 tầng có kết cấu móng trụ, dầm sàn đúc bê tông cốt thép (BTCT), tường xây, mái đúc, nền gạch hoa có diện tích xây dựng 131,1m^2, diện tích sử dụng 245,6m^2) trị giá 294.720.000đồng, theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx cấp ngày ngày 08 tháng 11 năm 2000 đứng tên chủ sở hữu của ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q, tổng trị giá 352.263.750đồng (Ba trăm năm hai triệu hai trăm sáu ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Giá trị di sản thừa kế của cụ Phan Thị Q là 18.080.655.270 đồng (Mười tám tỷ không trăm tám mươi triệu sáu trăm năm lăm ngàn hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

1.2. Phần công trình xây dựng trên đất là ngôi nhà 3 tầng có kết cấu móng trụ, dầm sàn đúc bê tông cốt thép, tường xây, mái đúc, nền gạch hoa có diện tích xây dựng 59,5m^2, diện tích sử dụng 135,43m^2 (địa chỉ 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng) (thuộc phần C theo sơ đồ) tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, địa chỉ: số 2xx (gồm 3 số nhà: 2xx, 2xx, 2xx) H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx đứng tên chủ sở hữu của ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 11 năm 2000 trị giá 325.032.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu không trăm ba hai ngàn đồng) thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Phước T2.

2. Hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Phan Thị Q gồm: Cụ Huỳnh Phước C, ông Huỳnh Phước T2, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước T, ông Huỳnh Phước H, bà Huỳnh Thị L.

3. Phân chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Q theo pháp luật có tổng giá trị là 18.080.655.270 đồng (Mười tám tỷ không trăm tám mươi triệu sáu trăm năm lăm

ngàn hai trăm bảy mươi ngàn đồng) thành 8 kỷ phần thừa kế, mỗi kỷ phần có giá trị là: 2.260.081.908đồng (Hai tỷ hai trăm sáu mươi triệu không trăm tám mốt ngàn chín trăm không tám đồng).

4. Phân chia di sản thừa kế của cụ Phan Thị Q như sau:

4.1. Giao ông Huỳnh Phước T được quyền sở hữu, sử dụng phần di sản thừa kế của cụ Phan Thị Q gồm:

- Phần diện tích đất: 112,25 m^2, trong đó: đất ở: 86,85m^2, đất khuôn viên: 25,4m^2 và ½ phần công trình xây dựng nhà số 2xx H (23.25m^2 - thuộc phần A theo sơ đồ) và ½ phần công trình xây dựng nhà số 2xx H (122,8m^2 - thuộc phần B theo sơ đồ) tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, địa chỉ: số 2xx, 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx ngày 08 tháng 11 năm 2000 cho ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q (Phần A và phần B theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng đo đạc ngày 28/7/2022) trị giá: 13.472.380.270đồng (Mười ba tỷ bốn trăm bảy hai triệu ba trăm tám mươi ngàn hai trăm bảy mươi đồng).

Ông Huỳnh Phước T có nghĩa vụ thối trả kỷ phần cho các đồng thừa kế:

- Cụ Huỳnh Phước C: 1.684.047.533đồng (Một tỷ sáu trăm tám tư triệu không trăm bốn bảy ngàn năm trăm ba ba đồng);
- Ông Huỳnh Phước T2: 1.684.047.533đồng (Một tỷ sáu trăm tám tư triệu không trăm bốn bảy ngàn năm trăm ba ba đồng)
- Bà Huỳnh Thị M: 1.684.047.533đồng (Một tỷ sáu trăm tám tư triệu không trăm bốn bảy ngàn năm trăm ba ba đồng)
- Bà Huỳnh Thị P: 1.684.047.533đồng (Một tỷ sáu trăm tám tư triệu không trăm bốn bảy ngàn năm trăm ba ba đồng)
- Bà Huỳnh Thị C: 1.684.047.533đồng (Một tỷ sáu trăm tám tư triệu không trăm bốn bảy ngàn năm trăm ba ba đồng)
- Ông Huỳnh Phước H: 1.684.047.533đồng (Một tỷ sáu trăm tám tư triệu không trăm bốn bảy ngàn năm trăm ba ba đồng)
- Bà Huỳnh Thị L: 1.684.047.533 đồng (Một tỉ sáu trăm tám tư triệu không trăm bốn bảy ngàn năm trăm ba ba đồng).

4. 2. Giao ông Huỳnh Phước T2 được quyền sở hữu, sử dụng ½ diện tích đất gồm: 29,75m^2 đất tại số nhà 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, địa chỉ: số 2xx (gồm 3 số nhà: 2xx, 2xx, 2xx) H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx ngày 08 tháng 11 năm 2000 cho ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q (thuộc phần C theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng đo đạc ngày 28/7/2022), trị giá: 4.608.275.000đồng (Bốn tỷ sáu trăm không tám triệu hai trăm bảy lăm ngàn đồng).

Ông Huỳnh Phước T2 có nghĩa vụ thối trả kỷ phần cho các đồng thừa kế:

- Cụ Huỳnh Phước C: 576.034.375đồng (Năm trăm bảy sáu triệu không trăm ba bốn ngàn ba trăm bảy lăm đồng);

- Bà Huỳnh Thị M: 576.034.375đồng (Năm trăm bảy sáu triệu không trăm ba bốn ngàn ba trăm bảy lăm đồng);

- Bà Huỳnh Thị P: 576.034.375đồng (Năm trăm bảy sáu triệu không trăm ba bốn ngàn ba trăm bảy lăm đồng);

- Bà Huỳnh Thị C: 576.034.375đồng (Năm trăm bảy sáu triệu không trăm ba bốn ngàn ba trăm bảy lăm đồng);

- Ông Huỳnh Phước T: 576.034.375đồng (Năm trăm bảy sáu triệu không trăm ba bốn ngàn ba trăm bảy lăm đồng)

- Ông Huỳnh Phước H: 576.034.375đồng (Năm trăm bảy sáu triệu không trăm ba bốn ngàn ba trăm bảy lăm đồng);

- Bà Huỳnh Thị L: 576.034.375đồng (Năm trăm bảy sáu triệu không trăm ba bốn ngàn ba trăm bảy lăm đồng).

5. Sau khi thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ của mình, ông Huỳnh Phước T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục đứng tên đối với nhà và đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, địa chỉ: số 2xx, 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx ngày 08 tháng 11 năm 2000 cho ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q.

Sau khi thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ của mình, ông Huỳnh Phước T2 có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục đứng tên đối với nhà và đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, địa chỉ: số 2xx H, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng, do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx ngày 08 tháng 11 năm 2000 cho ông Huỳnh Phước C và bà Phan Thị Q.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 17/5/2023, Toà án nhận được đơn kháng cáo của ông Huỳnh Phước T2, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước H và bà Huỳnh Thị L với nội dung cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan, chỉ định người hưởng di sản thừa kế là ông Huỳnh Phước T là không hợp lý, các ông bà muốn ông Huỳnh Phước T2 được sở hữu và ông T2 có trách nhiệm thối trả cho các đồng thừa kế. Đồng thời, ông bà kháng cáo không chịu chi phí tố tụng như chi phí thẩm định giá, đo đạc, xem xét tại chỗ do ông T là người khởi kiện nên buộc phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận với nhau giải quyết vụ án, không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự đến tham dự phiên tòa nhưng đến ngày xét xử các đương sự là bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Phước T3 (là con ông Huỳnh Phước T2, hiện đang ở tại số nhà 2xx đường H, Đà Nẵng), Hộ kinh doanh C (đang thuê nhà số 2xx đường H, Đà Nẵng), Hộ kinh doanh L (đang thuê nhà tại số 2xx đường H, Đà Nẵng), vẫn vắng mặt không có lý do nên theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/4/2021, ông Huỳnh Phước T có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của mẹ ông là cụ bà Phan Thị Q, thời điểm mở thừa kế được tính từ ngày cụ Q mất là ngày 15/4/2014 nên theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Phước T còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về hàng thừa kế: Theo Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật gồm: "Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết". Xét thấy, cụ bà Phan Thị Q và ông Huỳnh Phước C có 07 người con chung, cha mẹ của cụ Q đều chết trước cụ, ngoài ra cụ Q không có cha mẹ nuôi, con nuôi nào khác. Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Phan Thị Q gồm 08 người là: Chồng – cụ ông Huỳnh Phước C và 07 người con gồm: ông Huỳnh Phước T2, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước T, ông Huỳnh Phước H và bà Huỳnh Thị L.

[4] Về tài sản: Tài sản chung của cụ Huỳnh Phước C và cụ Phan Thị Q là nhà và đất tại thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x, diện tích là 289,5m^2 có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 11 năm 2000. Tuy nhiên, qua đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ nhận thấy, hiện trạng thực tế đã thay đổi so với Giấy chứng nhận, diện tích thửa đất hiện còn 284m^2 (giảm 5,5m^2) và thửa đất được xây tường ngăn thành 03 căn nhà có số nhà riêng. Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đà Nẵng tiến hành đo đạt và xác định như sau (có bản vẽ kèm theo):

[4.1] Thửa A (số nhà 2xx đường H) do bà Huỳnh Thị L đang quản lý sử dụng có diện tích 67m^2, trên diện tích đất này có căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 46,5m^2.

[4.2] Thửa B (số nhà 2xx đường H) do ông Huỳnh Phước C đang quản lý sử dụng có diện tích đất 157,5m^2, diện tích xây dựng: 124,6m^2 + 6,5m^2 = 131,1m^2, trên diện tích đất có căn nhà 3 tầng chung tường với thửa C.

[4.3] Thửa C (số nhà 2xx đường H) do ông Huỳnh Phước T2 đang quản lý sử dụng có diện tích đất 59,5m^2, diện tích xây dựng 59,5m^2 trên diện tích đất có căn nhà 3 tầng chung tường với thửa B do ông Huỳnh Phước T2 tự bỏ tiền ra xây dựng, theo cụ ông Huỳnh Phước C trình bày: Khi bà Q còn sống, vợ chồng ông đã thống nhất tặng cho con trai đầu là ông Huỳnh Phước T2 quyền sử dụng đất tại thửa C tức là nhà số 2xx đường H, ông T2 đã tự bỏ tiền ra xây dựng, hiện đang sinh sống và quản lý sử dụng từ năm 1991 đến nay. Nhận thấy, quyền sử dụng đất tại thửa C là tài sản chung của cụ C và cụ Q nên 02 cụ có quyền định đoạt, tặng cho ai là quyền của 02 cụ, không phụ thuộc ý chí các con, và thực tế các anh chị em cũng xác nhận điều này nên có cơ sở xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa C là của ông Huỳnh Phước T2. Do ông T2 đã được hưởng phần cha mẹ cho nên ông không nhận phần di sản thừa kế của cụ Q. Toà án cấp sơ thẩm không công nhận thửa C là của ông T2 mà nhập vào khối tài sản chung để chia thừa kế là đánh giá chứng cứ không phù hợp với Điều 167 của Luật đất đai.

[5] Về di sản thừa kế: Các đồng thừa kế của cụ Q xác nhận trước khi chết cụ Q không để lại nghĩa vụ tài sản nào, nên di sản của cụ là một nửa (1/2) giá trị nhà và đất tại thửa A và B, có diện tích 224,5m^2 (đã trừ đi phần diện tích đã cho ông Huỳnh Phước T2: 284m^2 – 59,5m^2 = 224,5m^2), địa chỉ tại số nhà 2xx và 2xx đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 11 năm 2000. Theo chứng thư thẩm định giá, giá trị quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất của thửa A và B là: 26.944.760.540 đồng. Như vậy, giá trị di sản của cụ bà Phan Thị Q để lại là 13.472.380.270 đồng, chia cho 07 kỷ phần (trừ đi phần của ông T2) gồm ông Huỳnh Phước C, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Phước H, ông Huỳnh Phước T mỗi người nhận giá trị kỷ phần được hưởng là 1.924.625.752,85 đồng (làm tròn 1.924.625.000đồng)

[6] Về phân chia tài sản thừa kế: Xét thấy thửa A (nhà số 221) đang do bà Huỳnh Thị L quản lý nhưng bà không tham gia phiên toà, cũng không có ý kiến trình bày gửi Toà án về nguyện vọng chỗ ở của mình và theo các anh chị em của bà L cho biết: bà L đã có nhà ở chung cư, không thường xuyên về nhà số 2xx sinh sống. Mặc khác, do thửa A không đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định 29/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng nên không thể tách thửa A thành một khối độc lập mà cần nhập chung với thửa B và giao cho cụ C sở hữu. Tuy nhiên, do cụ C đang ở cùng ông Huỳnh Phước T, hiện cụ C già yếu không có khả năng thối trả, căn nhà đang thờ tự ông bà nên cụ C có nguyện vọng giao toàn bộ tài sản cho ông T sở hữu và thối trả lại cho các đồng thừa kế. Xét thấy, cần tôn trọng nguyện vọng của cụ C

nên giao cho ông Huỳnh Phước T sở hữu tài sản là thửa A và B là phù hợp, việc giao thửa A cho ông T cũng không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của bà Huỳnh Thị L. ông Huỳnh Phước T tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký chỉnh lý biến động về quyền sở hữu trong Giấy chứng nhận và đồng thời có nghĩa vụ thối trả cho bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước H, bà Huỳnh Thị L mỗi người 1.924.625.000đồng/1người; thối trả cho cụ Huỳnh Phước C là 15.397.005.070 đồng

[7] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Phước T2, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước H, bà Huỳnh Thị L đều cho rằng không đồng ý giao nhà và đất cho ông T mà cần giao cho ông T2 với mục đích là nhập vào thửa đất của ông T2 để cùng nhau dễ bán, dễ chia. Hội đồng xét xử xét thấy, hơn một nữa giá trị tài sản là của cụ C, hiện nay cụ C và ông T đang ở và quản lý, nhà đang là nơi thờ tự ông bà, cụ C già yếu không có điều kiện thối trả và cụ có nguyện vọng muốn giao cho ông T nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cho ông Huỳnh Phước T sở hữu là phù hợp, do đó không chấp nhận kháng cáo của các ông bà.

[8] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Phước T2, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước H, bà Huỳnh Thị L về việc không đồng ý trả chi phí tố tụng thì thấy, theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định "Đối với vụ án liên quan đến chia tài sản chung, di sản thừa kế… thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế" và tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật dân sự quy định "Trường hợp yêu cầu Toà án chia tài sản chung thì mỗi người được chia phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia". Do vậy, các đương sự kháng cáo không chấp nhận chi phí tố tụng là trái quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[9] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố không chấp nhận kháng cáo của các đương sự giữ nguyên bản án sơ thẩm thì thấy, việc không chấp nhận kháng cáo của đương sự là phù hợp tuy nhiên do Bản án sơ thẩm có nhận định sai lầm trong áp dụng pháp luật nên cần sửa bản án cho phù hợp.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự được nhận kỹ phần thừa kế, nên phải chịu án phí tương ứng phần được nhận, theo đó cụ Huỳnh Phước C, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước H, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Phước T mỗi người phải chịu án phí tương ứng với số tiền là 69.738.750đồng/người. Do cụ Huỳnh Phước C, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại khoản 7 Điều 27, điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chi phí đo đạc, chi phí thẩm định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ các đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với người cao tuổi được miễn tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 131, 407, 408 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Phước T2, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước H, bà Huỳnh Thị L.

II. Sửa Bản án sơ thẩm số: 25/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Phước T đối với bà Huỳnh Thị P về việc "Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế".

Tuyên xử:

1. Di sản thừa kế của cụ Phan Thị Q là: Một phần hai (½) giá trị quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất tại thửa A và B, có diện tích đất 224,5m^2, địa chỉ tại: Số 2xx và 2xx đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 11 năm 2000. (Thửa C, diện tích đất 59,5m^2 số nhà 2xx đường H là phần diện tích cụ Phan Thị Q và cụ Huỳnh Phước C đã tặng cho con trai là ông Huỳnh Phước T2, không phải di sản thừa kế).

(Có bản vẽ kèm theo do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng đo đạc)

2. Giao cho ông Huỳnh Phước T sở hữu thửa A và B có diện tích đất 224,5m^2, địa chỉ: Số 2xx và 2xx đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 2xx, tờ bản đồ số 0x có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401080xxx do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 11 năm 2000.

3. Các đương sự tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được chỉnh lý biến động về quyền sở hữu.

4. Ông Huỳnh Phước T có nghĩa vụ thối trả cho các đồng thừa kế của cụ Phan Thị Qsố tiền cụ thể như sau:

- Thối trả cho cụ Huỳnh Phước C số tiền là 15.397.005.070đồng
- Thối trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền là 1.924.625.000 đồng,
- Thối trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền là 1.924.625.000 đồng,
- Thối trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền là 1.924.625.000 đồng,
- Thối trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền là 1.924.625.000 đồng,
- Thối trả cho ông Huỳnh Phước H số tiền là 1.924.625.000 đồng

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Phước H, ông Huỳnh Phước T mỗi người phải chịu án phí tương ứng là 69.738.750đ/người. Riêng ông Huỳnh Phước T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000đồng tại biên lai thu số 0005430 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên ông Huỳnh Phước T chỉ phải nộp số tiền 53.738.750 đồng

Cụ Huỳnh Phước C, ông Huỳnh Phước T, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí.

6.Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 3.000.000 đồng, chi phí đo đạc là: 5.642.000 đồng, chi phí thẩm định giá là: 40.000.000 đồng, tổng cộng là: 48.642.000 đồng, ông Huỳnh Phước T đã nộp nên những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Q là: cụ Huỳnh Phước C, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C, ông Huỳnh Phước H, bà Huỳnh Thị n có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền 6.948.857 đồng/1người

III. Án phí dân sự phúc thẩm: Mỗi người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng/người, do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Phước H, bà Huỳnh Thị L phải chịu án phí mỗi người là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng ông H đã nộp tại biên lai thu số 0007598 ngày 14/6/2023, bà L đã nộp tại biên lai số 0007603 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng nên ông H, bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Huỳnh Phước T2, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp, cụ thể: Hoàn trả cho ông T2 số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007604 ngày 15/6/2023; Hoàn trả cho bà M số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007596 ngày 14/6/2023; Hoàn trả cho bà P số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007595 ngày 14/6/2023; Hoàn trả cho bà C số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007597 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo